

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2026/DS-ST
Ngày: 25-8-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5-TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Còn
- Ông Nguyễn Văn Dễ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2026/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 395/2026/QĐST-DS ngày 14 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X. Địa chỉ: Số B - B L, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị Huyền T. Căn cước công dân số 036182000xx. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện của bà Phạm Thị Huyền T: Ông Phạm Minh H. Căn cước công dân số 079087012xxx. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP X – Chi nhánh C – phòng G. Địa chỉ: Số B L, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền số 18/2025/UQ- EUB ngày 04/12/2025).

Người đại diện của ông Phạm Minh H: Ông Lê Tuấn A. Căn cước công dân số 082096000xxx. Chức vụ: Nhân viên P. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng

Tháp. (Văn bản ủy quyền số 02/2026/EIBPTHO/UQTTDS ngày 10/02/2026).
Vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Trương Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1999. Căn cước công dân số 075099002xxx. Địa chỉ: Số B ấp P, xã T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

3.1 Ông Trương Thành H1, sinh năm 1966. Vắng mặt.

3.2 Bà Trương Thị M1, sinh năm 1937. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số B ấp P, xã T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP X như sau: Ngày 30/01/2024, Ngân hàng TMCP X (E) và ông Trương Nguyễn Hoàng M có xác lập Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV240007178, thời gian vay 180 tháng, số tiền vay 340.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền hoàn thiện nhà ở đồng thời mua sắm trang thiết bị nội thất.

Ngày 20/02/2024, ngân hàng E đã ký giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế cấp cho ông Trương Nguyễn Hoàng M 01 thẻ tín dụng Quốc tế hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng, thời hạn 36 tháng.

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ, ông M thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 65, tờ bản đồ số 9, tọa lạc xã P, huyện C, tỉnh Long An, theo Giấy chứng nhận số BD 699164, số vào sổ CH 00570, cấp ngày 15/11/2010 cập nhật mang tên Trương Nguyễn Hoàng M ngày 03/7/2023. Giao dịch thế chấp đã được đăng ký theo quy định.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông M có trả được số tiền 109.292.399 đồng. Từ ngày 07/02/2026, ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, làm các khoản vay chuyển sang nợ quá hạn.

Ngân hàng E cùng khởi kiện ông M, yêu cầu thanh toán tạm tính đến ngày 25/8/2026 của Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV240007178 tổng cộng 322.148.320 đồng, gồm 296.516.261 đồng nợ gốc và 25.632.059 đồng tiền lãi; hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế là 10.089.477 đồng, gồm 8.302.283 đồng nợ gốc, 1.787.194 đồng nợ lãi.

Nguyên đơn yêu cầu tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận cho đến khi ông M thanh toán hết nợ. Trường hợp ông M không thực hiện nghĩa vụ sau khi bản án,

quyết định có hiệu lực, đề nghị cho kê biên, phát mại tài sản thế chấp là thửa đất số 65 để thu hồi nợ. Nếu giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán, đề nghị tiếp tục kê biên, phát mại các tài sản khác của ông M cho đến khi thanh toán hết nghĩa vụ.

Bị đơn ông Trương Nguyễn Hoàng M vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Thành H1 và bà Trương Thị M1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Tây Ninh phát biểu:

Về hình thức: Tòa án đã thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự là đúng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Trương Nguyễn Hoàng M trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2026 tổng cộng 332.237.797 đồng.

Kể từ ngày 26/8/2026, ông Trương Nguyễn Hoàng M còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thanh toán cho, Ngân hàng TMCP X theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từng lần và hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế.

Trường hợp ông Trương Nguyễn Hoàng M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP X yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật là tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 2214HĐBĐ202410305 ngày 30/01/2024.

2. Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng, án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu ông Trương Nguyễn Hoàng M phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và tiền phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà ông M đã ký kết với Ngân hàng; hiện ông M đang sinh sống tại xã T, tỉnh Tây Ninh nên đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Tây Ninh quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Ông Lê Tuấn A đại diện cho Ngân hàng TMCP X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn ông Trương Nguyễn Hoàng M và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Thành H1, bà Trương Thị M1 nhưng ông M, ông H1, bà M1 vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông M trả số tiền nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày 25/8/2026 tổng cộng là 332.237.797 đồng theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV240007178 và hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế ngày 20/02/2024.

[3.1] Xét, Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV240007178 ngày 30/01/2024 và hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế ngày 20/02/2024 được ký kết giữa ông M với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, khi ký hợp đồng nêu trên các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, nội dung thỏa thuận phù hợp với pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

[3.2] Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt cho ông M thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong các văn bản này, Tòa án đã nêu rõ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng cũng như các tài liệu, chứng cứ do ngân hàng đã nộp. Ông M không có ý kiến phản đối gì. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, có căn cứ xác định hiện ông M còn nợ số tiền vay của ngân hàng theo Hợp đồng cho vay mà các bên đã ký kết. Căn cứ Điều 6 Bộ luật Tố tụng dân sự đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông M đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo Hợp đồng cho vay là bên vay phải trả nợ gốc, lãi vay, phí theo các thỏa thuận tại hợp đồng trường hợp khách hàng vi phạm quy định hợp đồng, ngân hàng được quyền thu hồi nợ trước hạn. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông M có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng T1 số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 25/8/2026 là 332.237.797 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2214HĐBĐ202410305 ngày 30/01/2024 để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV240007178 ngày 30/01/2024 và hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế ngày 20/02/2024. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) và công trình trên đất. Khi ký kết hợp đồng thế chấp, các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng thế chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Phạm Thị H2 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/01/2024 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Long An theo đúng quy định pháp luật. Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/7/2026, trên đất hiện có công trình là nhà có kết cấu cột đà bê tông cốt thép, nền xi măng, vách tường chưa trát xi măng, xà gồ gỗ, mái tole thiếc do bà Trương Thị M1 và ông Trương Thành H1 cùng quản lý sử dụng. Do đó, trường hợp ông M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCP X thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 65, tờ bản đồ số 9 và tài sản gắn liền với thửa đất để thu hồi nợ. Khi tài sản thế chấp được đưa ra xử lý, người đang quản lý, sử dụng tài sản, bao gồm bà Trương Thị M1 và ông Trương Thành H1, có nghĩa vụ chấp hành việc xử lý tài sản bảo đảm và giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền hoặc tổ chức được giao xử lý tài sản để thực hiện việc kê biên, bán đấu giá, phát mại theo quy định pháp luật, trường hợp có quyết định hoặc bản án có hiệu lực của cơ quan có thẩm quyền.

[4] LỜI đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng (Một triệu, bốn trăm nghìn đồng), Ngân hàng TMCP X đã nộp tạm ứng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 1.400.000 đồng theo quy định tại Điều 157, Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[6.1] Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X được chấp nhận nên buộc ông M phải chịu án phí tính trên số tiền phải thanh toán cho ngân hàng là 16.611.890 đồng.

[6.2] Ngân hàng TMCP X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 168, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 468, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Trương Nguyễn Hoàng M.

1.1. Buộc ông Trương Nguyễn Hoàng M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 25/8/2026 là 332.237.797 đồng (Ba trăm ba mươi hai triệu, hai trăm ba mươi bảy nghìn, bảy trăm chín mươi bảy đồng).

1.2. Kể từ ngày 26/8/2026, ông Trương Nguyễn Hoàng M còn phải tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng từng lần số 2214LAV240007178 ngày 30/01/2024 và giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ Quốc tế ngày 20/02/2024.

1.3. Trường hợp ông Trương Nguyễn Hoàng M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ trên thì Ngân hàng TMCP X yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật, tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 2214HĐBĐ202410305 ngày 30/01/2024 do Văn phòng C1 chứng nhận để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm được xử lý là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) và tài sản gắn liền với đất thuộc phạm vi thế chấp.

Khi xử lý tài sản bảo đảm nêu trên, bà Trương Thị M1 và ông Trương Thành H1 là người đang quản lý, sử dụng nhà và đất có nghĩa vụ giao tài sản cho cơ quan thi hành án dân sự hoặc tổ chức có thẩm quyền xử lý tài sản để thực hiện việc kê biên, bán đấu giá và xử lý tài sản theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bà Trương Thị M1 và ông Trương Thành H1 không tự nguyện giao tài sản thì cơ quan thi hành án dân sự có quyền tổ chức cưỡng chế giao tài sản theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.400.000 đồng (Một triệu, bốn trăm nghìn đồng). Buộc ông Trương Nguyễn Hoàng M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu, bốn trăm nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Trương Nguyễn Hoàng M phải nộp số tiền 16.611.810 đồng (Mười sáu triệu, sáu trăm mười một nghìn, tám trăm mười đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

3.2. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.729.773 đồng (Bảy triệu, bảy trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0010721 ngày 18/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án cấp, tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 5-Tây Ninh;
- THA DS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa